

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HUYỆN TAM NÔNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số: 01/2019/ST- DS

Ngày: 10/10/2019

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay vốn ”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Bá Kỳ
2. Ông Nguyễn Khắc Long
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Cán bộ TAND huyện Tam Nông.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa: Ông Vũ Anh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2019/KDTM - ST ngày 14 tháng 6 năm 2019 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay vốn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐST-DS ngày 24/9/2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ trụ sở chính: 108 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị ngân hàng TMCP công thương Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng T, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – Chi nhánh Đ. Địa chỉ: số nhà 3769, Đại lộ H , phường V, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

- **Bi đơn:** 1, Ông Phạm Quang T - sinh năm 1975(vắng mặt)

2, Bà Phạm Thị Kim T - sinh năm 1983(vắng mặt)

Đều trú tại: Khu 5, xã T, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

- ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1, Ông Phạm Văn H - sinh năm 1959(vắng mặt)

2, Bà Nguyễn Thị C - sinh năm 1957(vắng mặt)

Đều trú tại: Khu 7, xã T, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/4/2019 và được bổ sung bằng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hồng Thọ trình bày: Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 18.12.0129/2018-HĐCVHM/NHCT248 ngày 18 tháng 09 năm 2018, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đ- Phòng giao dịch Tam Nông đã giải quyết cho Ông Phạm Quang T vay số tiền: 2.400.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn), số tiền giải ngân thực tế: 2.400.000.000đ. Mục đích sử dụng là bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh thép hình, tôn các loại và thức ăn chăn nuôi. Thời hạn duy trì hạn mức: 18/09/2018-18/09/2019. Thời hạn vay 6 tháng/01 lần nhận nợ. Lãi suất: Áp dụng lãi suất thả nổi theo quy định của NHCT Việt Nam. Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là ngày 27/03/2019. Số tiền giải ngân theo các giấy nhận nợ gồm:

Theo giấy nhận nợ ngày 11/9/2018 số tiền nhận nợ là 500.000.000đ, ngày giải ngân là ngày 11/9/2018, ngày trả nợ là ngày 11/3/2019.

Theo giấy nhận nợ ngày 12/9/2018 số tiền nhận nợ là 500.000.000đ, ngày giải ngân là ngày 12/9/2018, ngày trả nợ là ngày 12/3/2019.

Theo giấy nhận nợ ngày 19/9/2018 số tiền nhận nợ là 500.000.000đ, ngày giải ngân là ngày 19/9/2018, ngày trả nợ là ngày 19/3/2019.

Theo giấy nhận nợ ngày 20/9/2018 số tiền nhận nợ là 500.000.000đ, ngày giải ngân là ngày 20/9/2018, ngày trả nợ là ngày 20/3/2019.

Theo giấy nhận nợ ngày 26/9/2018 số tiền nhận nợ là 280.000.000đ, ngày giải ngân là ngày 26/9/2018, ngày trả nợ là ngày 26/3/2019.

Theo giấy nhận nợ ngày 27/9/2018 số tiền nhận nợ là 120.000.000đ, ngày giải ngân là ngày 27/9/2018, ngày trả nợ là ngày 27/3/2019.

- Đề đảm bảo nghĩa vụ trả nợ ông Phạm Quang Trung, bà Phạm Thị Kim Thành đã ký kết 03 hợp đồng thế chấp tài sản gồm:

+ Hợp đồng thế chấp bất động sản số 17.12.0018/HĐTC ngày 12/09/2017. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất có tổng diện tích 867,8 m²; Một nhà xây một tầng cùng toàn bộ công trình phụ trợ gắn liền với đất tại địa chỉ: Khu 5, xã Thanh Uyên, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số BY 859838 do UBND huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 06/07/2015 số vào sổ cấp GCN: CH-00805 đứng tên ông Phạm Quang T, bà Phạm Thị Kim T.

+ Hợp đồng thế chấp bất động sản số 17.12.0019/HĐTC ngày 12/09/2017. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất có tổng diện tích 99,9 m²; Một nhà xây cấp bốn cùng toàn bộ công trình phụ trợ gắn liền với đất tại địa chỉ: Khu 7, xã T, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số BY 859858 do UBND huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 06/07/2015 số vào sổ cấp GCN: H-00804 đứng tên ông Phạm Quang T, bà Phạm Thị Kim T.

+ Hợp đồng thế chấp bất động sản số 17.75.0090/HĐTC ngày 12/09/2017. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất có tổng diện tích 8861,0 m² tại địa chỉ: Khu Dọc Mũi, xã T, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CA 584319 do UBND huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 14/09/2015 số vào sổ cấp GCN: CH-00293 đứng tên ông Phạm Quang T, bà Phạm Thị Kim T.

- Ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị C đã ký kết 02 hợp đồng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo khoản vay cho ông Phạm Quang T gồm:

+ Hợp đồng thế chấp bất động sản số 17.12.0020/HĐTC ngày 11/09/2017. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất có tổng diện tích 260,2 m²; Một nhà xây cấp bốn cùng toàn bộ công trình phụ trợ gắn liền với đất tại địa chỉ: Khu 7, xã T, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CK 101226 do UBND huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 24/08/2017 số vào sổ cấp GCN: CH-00731 đứng tên ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị C.

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 17.75.0091 ngày 12/09/2017. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất có tổng diện tích 380,5 m²; Hai nhà xây cấp bốn cùng toàn bộ công trình phụ trợ gắn liền với đất tại địa chỉ: Khu 7, xã T, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số BR 592765 do UBND huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 19/12/2014 số vào sổ cấp GCN: CH-00262 đứng tên ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị C.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Phạm Quang T đã vi phạm Hợp đồng cho vay hạn mức số 18.12.0129/2018-HĐCVHM/NHCT248 ngày 18 tháng 09 năm 2018 không trả nợ gốc đến hạn và lãi như cam kết. Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Đ- PGD T đã thông báo, đôn đốc trả nợ nhiều lần nhưng Ông Phạm Quang T không thực hiện đúng cam kết, biểu hiện thái độ không hợp tác.

Nay Ngân Hàng Công Thương Việt Nam khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ giải quyết buộc ông Phạm Quang T, bà Phạm Thị Kim T phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đ- Phòng giao dịch Tsố tiền nợ tính đến ngày 23/04/2019 là: 2.441.909.809 đ (Trong đó: Nợ gốc là 2.399.667.966 đ, nợ lãi là 42.241.843đ) và toàn bộ số lãi phát sinh thêm tính đến thời điểm ông Phạm Quang T, bà Phạm Thị Kim T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng.

* Phía bị đơn tại biên bản lấy lời khai ngày 23/9/2019 ông Phạm Quang T trình bày: Ông có ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số 18.12.0129/2018-

HĐCVHM/NHCT248 ngày 18 tháng 09 năm 2018 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đ- Phòng giao dịch Tvay số tiền: 2.400.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn), số tiền trên ông đã được lấy theo như các giấy nhận nợ của ngân hàng là đúng. Đến hạn trả cuối cùng ngày 27/3/2019 ông đã không trả được nợ cho ngân hàng. Ông T xác nhận tính đến ngày 23/04/2019 ông nợ ngân hàng là: 2.441.909.809 đ (Trong đó: Nợ gốc là 2.399.667.966 đ, nợ lãi là 42.241.843đ). Số nợ trên ông vay về để sử dụng là bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh thép hình, tôn các loại và thức ăn chăn nuôi của gia đình, trước khi vay có sự bàn bạc thống nhất của hai vợ chồng. Nay ngân hàng yêu cầu ông và bà T trả cho ngân hàng số tiền trên và tiền lãi phát sinh từ ngày 24/4/2019 cho đến khi trả xong nợ ông nhất trí nhưng vì hiện nay điều kiện kinh tế của ông khó khăn do làm ăn thua lỗ nên ông xin được trả dần.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/9/2019 bà Phạm Thị Kim T trình bày: bà là vợ ông T. Bà xác nhận việc ông T ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số 18.12.0129/2018-HĐCVHM/NHCT248 ngày 18 tháng 09 năm 2018 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đ- Phòng giao dịch Tvay số tiền: 2.400.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn) là có sự bàn bạc thống nhất giữa hai vợ chồng, số nợ trên là nợ chung của vợ chồng. Tính đến ngày 23/04/2019 bà và ông T nợ ngân hàng là: 2.441.909.809 đ (Trong đó: Nợ gốc là 2.399.667.966 đ, nợ lãi là 42.241.843đ). Nay ngân hàng yêu cầu bà và ông T trả số tiền trên cho ngân hàng và tiền lãi phát sinh từ ngày 24/4/2019 cho đến khi trả xong nợ bà nhất trí.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị C tại biên bản lấy lời khai ngày 23/9/2019 và tại đơn đề nghị ngày 24/9/2019 ông H, bà C trình bày: Ngày 11/09/2017 ông H, bà C có ký kết Hợp đồng thế chấp bất động sản số 17.12.0020/HĐTC ngày 11/09/2017 đối với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đ- Phòng giao dịch T. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất có tổng diện tích 260,2 m²; Một nhà xây cấp bốn cùng toàn bộ công trình phụ trợ gắn liền với đất tại địa chỉ: Khu 7, xã T, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CK 101226 do UBND huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 24/08/2017 số vào sổ cấp GCN: CH-00731 đứng tên ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị C; Ngày 12/09/2017 ông Hùng, bà Cúc có ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 17.75.0091 ngày 12/09/2017. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất có tổng diện tích 380,5 m²; Hai nhà xây cấp bốn cùng toàn bộ công trình phụ trợ gắn liền với đất tại địa chỉ: Khu 7, xã T, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số BR 592765 do UBND huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 19/12/2014 số vào sổ cấp GCN: CH-00262 đứng tên ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị C. Ông H, bà C có ký kết hai hợp đồng trên để đảm bảo khoản vay cho ông Phạm Quang T theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 18.12.0129/2018-HĐCVHM/NHCT248 ngày 18 tháng 09 năm 2018. Nay ông T gặp khó khăn trong công việc làm ăn nên ông H, bà C đề nghị ngân hàng cho ông T được trả dần.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến của về việc giải quyết vụ án.

Đề nghị áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 và 357 Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ vào khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, khoản 4 Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng 2017: Buộc anh Phạm Quang T và chị Phạm Thị Kim T phải trả toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 23/04/2019 là: 2.441.909.809 đ (Trong đó: Nợ gốc là 2.399.667.966 đ, nợ lãi là 42.241.843đ) và toàn bộ số lãi phát sinh thêm tính đến thời điểm ông Phạm Quang T, bà Phạm Thị Kim T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi Nhánh đ, phòng giao dịch T.

- Đối với các hợp đồng thế chấp Hợp đồng thế chấp số 17.75.0091/ HĐTC ngày 12/9/2017; Hợp đồng thế chấp số 17.12.0019/ HĐTC ngày 12/9/2017; Hợp đồng thế chấp số 17.12.0018/ HĐTC ngày 12/9/2017; Hợp đồng thế chấp số 17.75.0090/ HĐTC ngày 12/9/2017; Hợp đồng thế chấp số 17.12.0020/ HĐTC ngày 11/9/2017 bao gồm các tài sản đảm bảo cho khoản vay cần tiếp tục duy trì và thực hiện xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật và các điều khoản trong hợp đồng.

- Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án buộc ông Trung và bà Thành phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Quang T, bà Phạm Thị Kim T, ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị C đều xin được giải quyết vắng mặt và đã có quan điểm thể hiện trong hồ sơ vụ án. Căn cứ khoản 1, điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tam Nông tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà T, ông H và bà C.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Vụ việc tranh chấp giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với cá nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, vì vậy quan hệ pháp luật có tranh chấp được xác định theo quy định tại Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét Hợp đồng cho vay hạn mức số 18.12.0129/2018-HĐCVHM/NHCT248 ngày 18 tháng 09 năm 2018: Theo tài liệu chứng cứ có trong vụ án thì ngày 18/9/2018 ông Trung đã ký kết với ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đ- Phòng giao dịch Thọ đồng trên để vay số tiền 2.400.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn). Mục đích sử dụng là bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh thép hình, tôn các loại và thức ăn chăn nuôi. Thời hạn duy trì hạn mức: 18/09/2018-18/09/2019. Thời hạn vay 6 tháng/01 lần nhận nợ. Lãi suất: Áp dụng lãi suất thả nổi theo quy định của NHCT Việt Nam. Hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức của hợp đồng nên Hợp đồng cho vay hạn mức số 18.12.0129/2018 HĐCVHM/NHCT248 ngày 18 tháng 09 năm 2018 được lập giữa ông Phạm Quang Trung và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đền Hùng - Phòng giao dịch Tam Nông là có thật và hợp pháp.

[3.2] Xét Hợp đồng thế chấp bất động sản số 17.12.0018/HĐTC ngày 12/09/2017; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 17.12.0019/HĐTC ngày 12/09/2017; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 17.75.0090/HĐTC ngày 12/09/2017. Hợp đồng thế chấp bất động sản số 17.12.0020/HĐTC ngày 11/09/2017; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 17.75.0091 ngày 12/09/2017. Ông T, bà T, ông H và bà C đều tự nguyện thế chấp các tài sản theo như các hợp đồng trên để đảm bảo khoản vay 2.400.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn) cho ông T và đã được ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện được chủ sở hữu tài sản đồng ý thế chấp, đăng ký thế chấp và công chứng đúng quy định, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức. Căn cứ Điều 320, 323 của Bộ luật dân sự. Công nhận các hợp đồng thế chấp nói trên giữa các bên là hợp pháp.

[3.3] Xét về số tiền vay: Căn cứ vào Hợp đồng cho vay hạn mức số 18.12.0129/2018-HĐCVHM/NHCT248 ngày 18 tháng 09 năm 2018 và các giấy nhận nợ. Ông T nhận nợ với ngân hàng số tiền 2.400.000.000 đồng. Mục đích sử dụng là bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh thép hình, tôn các loại và thức ăn chăn nuôi. Thời hạn duy trì hạn mức: 18/09/2018-18/09/2019. Thời hạn vay 6 tháng/01 lần nhận nợ. Lãi suất: Áp dụng lãi suất thả nổi theo quy định của NHCT Việt Nam. Ngày đến hạn cuối cùng là 27/03/2019. Đến hạn trả nợ ông Trung không trả được số tiền trên cho ngân hàng. Tính đến ngày 23/04/2019 số dư nợ là: 2.441.909.809đ (Trong đó: Nợ gốc là 2.399.667.966đ, nợ lãi là 42.241.843đ). Để vay số tiền này ông T, bà T, ông H và bà C đã đảm bảo toàn bộ tài sản như đã thế chấp tại các hợp đồng thế chấp thể hiện tại mục [3.2]. Do ông T vi phạm hợp đồng nên phải chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi trả xong nợ, theo quy định tại Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự.

[3.4] Xét về nghĩa vụ trả nợ: Số tiền vay trên ông T bà T đều xác nhận sau khi vay tiền của ngân hàng thì ông T, bà T sử dụng vào việc bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh thép hình, tôn các loại và thức ăn chăn nuôi của gia đình. Phía

bà T xác nhận khoản nợ trên là nợ chung của vợ chồng và nhất trí cùng ông T trả số tiền trên cho ngân hàng. Phía ngân hàng cũng yêu cầu ông T, bà T cùng có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng. Do đó cần buộc ông T, bà T cùng có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 23/04/2019 số dư nợ là: 2.441.909.809đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 24/04/2019 đến khi tất toán khoản vay là phù hợp.

[3.5] Về xử lý tài sản thế chấp: Ông T, bà T, ông H và bà C đã đồng ý thế chấp tài sản theo các Hợp đồng thế chấp thể hiện tại mục [3.2] và được công chứng đăng ký thế chấp đúng quy định. Do đó, ông T, bà T không trả được nợ cho ngân hàng thì ngân hàng được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 323 của Bộ luật dân sự.

Từ những phân tích tại trên, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi bị đơn phải trả phải trả tổng số tiền nợ vay gốc và lãi tính đến ngày 23/04/2019 số dư nợ là: 2.441.909.809đ (Trong đó: Nợ gốc là 2.399.667.966 đ, nợ lãi là 42.241.843đ) và tiền lãi phát sinh từ ngày 24/04/2019 đến khi tất toán khoản vay theo quy định tại Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; Điều 30, 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nếu ông T, bà T không trả được nợ cho ngân hàng thì ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 323 của Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đ- Phòng giao dịch Tsố tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 30, 35, 144, 147, 186, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 320 , 323, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1, Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Buộc ông Phạm Quang T, bà Phạm Thị Kim T phải trả cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đ- Phòng giao dịch T số tiền vay còn nợ tính đến ngày 23/04/2019 là: 2.441.909.809đ (Trong đó: Nợ gốc là 2.399.667.966 đ, nợ lãi là 42.241.843đ) và tiền lãi phát sinh từ ngày 24/04/2019 đến khi tất toán khoản vay.

2, Tiếp tục duy trì các Hợp đồng thế chấp bất động sản số 17.12.0018/HĐTC ngày 12/09/2017; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 17.12.0019/HĐTC ngày 12/09/2017; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 17.75.0090/HĐTC ngày 12/09/2017. Hợp đồng thế chấp bất động sản số 17.12.0020/HĐTC ngày 11/09/2017; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 17.75.0091 ngày 12/09/2017.

Đến thời điểm án có hiệu lực pháp luật nếu ông T, bà T không thanh toán đủ số tiền nợ gốc, nợ lãi thì Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản gồm: Quyền sử dụng đất có tổng diện tích 867,8 m², tài sản trên đất có một nhà xây một tầng cùng toàn bộ công trình phụ trợ gắn liền với đất tại địa chỉ: Khu 5, xã T, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số BY 859838 do UBND huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 06/07/2015 số vào sổ cấp GCN: CH-00805 đứng tên ông Phạm Quang T, bà Phạm Thị Kim T theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 17.12.0018/HĐTC ngày 12/09/2017; Quyền sử dụng đất có tổng diện tích 99,9 m², tài sản trên đất có một nhà xây cấp bốn cùng toàn bộ công trình phụ trợ gắn liền với đất tại địa chỉ: Khu 7, xã T, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số BY 859858 do UBND huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 06/07/2015 số vào sổ cấp GCN: H-00804 đứng tên ông Phạm Quang T, bà Phạm Thị Kim T theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 17.12.0019/HĐTC ngày 12/09/2017; Quyền sử dụng đất có tổng diện tích 8861,0 m² tại địa chỉ Khu Dọc Mũi, xã T, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CA 584319 do UBND huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 14/09/2015 số vào sổ cấp GCN: CH-00293 đứng tên ông Phạm Quang T, bà Phạm Thị Kim T theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 17.75.0090/HĐTC ngày 12/09/2017; Quyền sử dụng đất có tổng diện tích 260,2 m² tài sản trên đất có một nhà xây cấp bốn cùng toàn bộ công trình phụ trợ gắn liền với đất tại địa chỉ Khu 7, xã T, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CK 101226 do UBND huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 24/08/2017 số vào sổ cấp GCN: CH-00731 đứng tên ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị C theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 17.12.0020/HĐTC ngày 11/09/2017; Quyền sử dụng đất có tổng diện tích 380,5 m², tài sản trên đất có hai nhà xây cấp bốn cùng toàn bộ công trình phụ trợ gắn liền với đất tại địa chỉ Khu 7, xã T, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số BR 592765 do UBND huyện Tam Nông,

tỉnh Phú Thọ cấp ngày 19/12/2014 số vào sổ cấp GCN: CH-00262 đứng tên ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị C theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 17.75.0091 ngày 12/09/2017, theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật ông T, bà T không thực hiện trả tiền cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đ - Phòng giao dịch T thì ông T, bà T phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2, Về án phí:

- Ông Phạm Quang T, bà Phạm Thị Kim T phải chịu 80.838.196đ (Tám mươi triệu tám trăm ba mươi tám nghìn một trăm chín mươi sáu đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam số tiền 40.419.000đ (Bốn mươi triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng). Theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0003633 ngày 14/6/2019 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự (có mặt) tại phiên toà biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện
- Chi cục THADS huyện
- Các đương sự
- Lưu HS - VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu Huyền